

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu 1 (4,0 điểm).

Cho biểu thức: $P = \left(\frac{\sqrt{x} - \sqrt{y}}{1 + \sqrt{xy}} - \frac{\sqrt{x} + \sqrt{y}}{1 - \sqrt{xy}} \right) : \left(1 + \frac{x + y + 2xy}{1 - xy} \right)$ với $x \geq 0; y \geq 0; xy \neq 1$.

a) Rút gọn biểu thức P .

b) Tính giá trị của P với $y = 9 + 4\sqrt{5}$.

Câu 2 (4,0 điểm). Cho phương trình $mx^2 + 2(m-2)x + m-3 = 0$ (m là tham số).

a) Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình có hai nghiệm trái dấu.

b) Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình có hai nghiệm x_1, x_2 thỏa

mãn: $\frac{1}{x_1^2} + \frac{1}{x_2^2} = 2$.

Câu 3 (4,0 điểm).

a) Giải hệ phương trình
$$\begin{cases} xy + x + y = x^2 - 2y^2 \\ x\sqrt{2y} - y\sqrt{x-1} = 2x - 2y \end{cases}$$

b) Tìm tất cả các số nguyên dương x, y, z thỏa mãn phương trình

$$x^6 + y^6 + 15y^4 + z^3 + 75y^2 = 3x^2y^2z + 15x^2z - 125.$$

Câu 4 (6,0 điểm). Cho tam giác đều ABC nội tiếp đường tròn $(O; R)$. Gọi H là một điểm di động trên đoạn thẳng OA (H khác O và $HA > HO$). Đường thẳng đi qua H và vuông góc với OA cắt cung nhỏ AB tại M . Gọi K là hình chiếu vuông góc của M trên OB .

a) Chứng minh $BMK = MAB$.

b) Các tiếp tuyến của $(O; R)$ tại A và B cắt tiếp tuyến tại M của $(O; R)$ lần lượt tại D và E . OD, OE cắt AB lần lượt tại F và G . Chứng minh rằng: $OE \cdot OG = OF \cdot OD$.

c) Tìm vị trí điểm H để chu vi tam giác MAB đạt giá trị lớn nhất.

Câu 5 (2,0 điểm).

a) Cho a, b, c là các số thực dương thỏa mãn $\frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2} = 6$.

Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $Q = \frac{b^2c^2}{a(b^2+c^2)} + \frac{c^2a^2}{b(c^2+a^2)} + \frac{a^2b^2}{c(a^2+b^2)}$.

b) Cho mỗi điểm trên mặt phẳng được tô bởi một trong hai màu xanh hoặc đỏ. Chứng minh rằng tồn tại một tam giác mà ba đỉnh và trọng tâm cùng màu.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

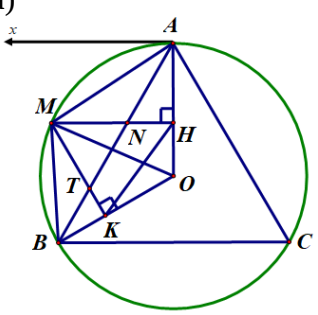
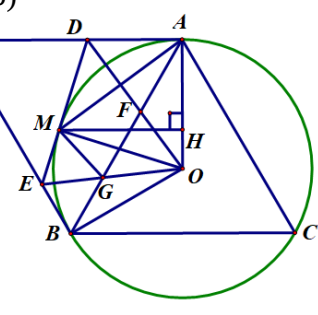
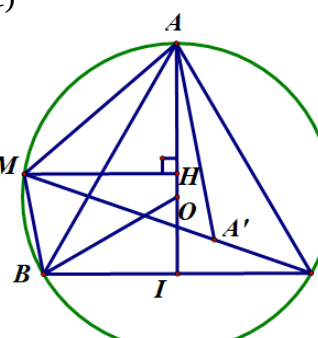
Chữ kí giám thị số 1: Chữ kí giám thị số 2:

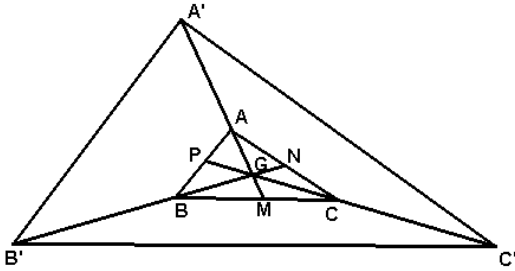
HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN TOÁN LỚP 9 THCS

(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Chú ý: Những cách giải khác HDC mà đúng thì cho điểm theo thang điểm đã định.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (4đ)	a) $P = \frac{(\sqrt{x} - \sqrt{y})(1 - \sqrt{xy}) - (\sqrt{x} + \sqrt{y})(1 + \sqrt{xy})}{1 - xy} \cdot \frac{1 - xy + x + y + 2xy}{1 - xy}$	0,5
	$= \frac{\sqrt{x} - x\sqrt{y} - \sqrt{y} + y\sqrt{x} - \sqrt{x} - x\sqrt{y} - \sqrt{y} - y\sqrt{x}}{1 - xy} \cdot \frac{1 - xy}{1 + x + y + xy}$	0,5
	$= \frac{-2(\sqrt{y} + x\sqrt{y})}{(1 + x)(1 + y)}$	0,5
	$= \frac{-2\sqrt{y}}{1 + y}$	0,5
	b) $y = 9 + 4\sqrt{5} = (\sqrt{5} + 2)^2$	0,5
	$\sqrt{y} = \sqrt{(\sqrt{5} + 2)^2} = \sqrt{5} + 2$	0,5
	$P = \frac{-2(\sqrt{5} + 2)}{1 + 9 + 4\sqrt{5}} = -\frac{\sqrt{5}}{5}$	1,0
2 (4đ)	a) Phương trình có hai nghiệm trái dấu $\Leftrightarrow m(m - 3) < 0$	1,0
	$\Leftrightarrow 0 < m < 3$.	1,0
	b) TH1. $m = 0$ Phương trình $\Leftrightarrow 4x + 3 = 0$ (Không thỏa mãn yêu cầu)	0,5
	TH2. $m \neq 0$ Phương trình có hai nghiệm $x_1, x_2 \Leftrightarrow \Delta' \geq 0 \Leftrightarrow (m - 2)^2 - m(m - 3) \geq 0 \Leftrightarrow m \leq 4$	0,5
	Khi đó $\begin{cases} x_1 + x_2 = \frac{2(2 - m)}{m} \\ x_1 x_2 = \frac{m - 3}{m} \end{cases}$ và $\frac{1}{x_1^2} + \frac{1}{x_2^2} = 2 \Leftrightarrow \frac{(x_1 + x_2)^2 - 2x_1 x_2}{(x_1 x_2)^2} = 2$	0,5
	$\Leftrightarrow \frac{\left(\frac{2(2 - m)}{m}\right)^2 - 2\frac{m - 3}{m}}{\left(\frac{m - 3}{m}\right)^2} = 2 \Leftrightarrow m = 1 (t / m)$.	0,5
3 (4đ)	a) $\begin{cases} xy + x + y = x^2 - 2y^2 & (1) \\ x\sqrt{2y} - y\sqrt{x - 1} = 2x - 2y & (2) \end{cases}$ Điều kiện: $x \geq 1, y \geq 0$	0,5
	Khi đó: $(1) \Leftrightarrow (x + y)(x - 2y - 1) = 0$	0,5
	$\Leftrightarrow x - 2y - 1 = 0 \Leftrightarrow x = 2y + 1$	0,5
	Thay vào phương trình (2) ta được: $(y + 1)(\sqrt{2y} - 2) = 0 \Leftrightarrow y = 2$ Vậy hệ có nghiệm $(x; y) = (5; 2)$.	0,5

	b) $x^6 + y^6 + 15y^4 + z^3 + 75y^2 = 3x^2y^2z + 15x^2z - 125.$ $\Leftrightarrow x^6 + z^3 - 15x^2z = 3x^2y^2z - (y^6 + 15y^4 + 75y^2 + 125)$ $\Leftrightarrow (x^2)^3 + (y^2 + 5)^3 + z^3 = 3x^2z(y^2 + 5)$	0,5
	Áp dụng BĐT Cauchy ta có $VT = (x^2)^3 + (y^2 + 5)^3 + z^3 \geq 3x^2z(y^2 + 5)$ Dấu "=" xảy ra khi $x^2 = z = y^2 + 5$	0,5
	Phương trình $\Leftrightarrow x^2 = y^2 + 5 \Leftrightarrow (x - y)(x + y) = 5$	0,5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x - y = 5 \\ x + y = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 3 \\ y = -2 \end{cases} \quad (I)$ $\Leftrightarrow \begin{cases} x - y = 1 \\ x + y = 5 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 3 \Rightarrow z = 9 \\ y = 2 \end{cases}$ Nghiệm của phương trình là $(x; y; z) = (3; 2; 9).$	0,5
4 (6d)	a)  Qua A kẻ tia tiếp tuyến Ax của (O). Ta có $MAx = \frac{1}{2}MOA = \frac{1}{2}sđ AM \quad (1)$ Có $Ax \parallel MH$ (cùng vuông góc với OA) $\Rightarrow MAx = AMH \quad (2)$ $MBA = \frac{1}{2}MOA = \frac{1}{2}sđ AM \quad (3)$ Từ (1),(2),(3) $\Rightarrow MBA = AMH \quad (5)$	0,5
	$\triangle OAB$ cân tại O và $AOB = 120^\circ, BAO = ABO = 30^\circ$ Gọi N, T lần lượt là giao điểm của MH, MK với AB Ta có $MTB = TBK + TKB = 120^\circ, MNA = NAH + NHA = 120^\circ \Rightarrow MTB = MNA \quad (6)$	0,5
	Từ (5),(6) $\Rightarrow \triangle MNA$ đồng dạng $\triangle BTM \Rightarrow MAN = BMT \Rightarrow BMK = MAB.$	0,5
	b)  Có: $DAO = DMO = 90^\circ$ (Tính chất tiếp tuyến) $\Rightarrow$ tứ giác AOMD nội tiếp (7) $GAM = \frac{1}{2}sđ BM; MOG = GOB = \frac{1}{2}sđ BM$ $\Rightarrow GAM = MOG \Rightarrow$ tứ giác AMGO nội tiếp (8) Từ (7), (8) ta có 5 điểm A, D, M, G, O cùng nằm trên một đường tròn $\Rightarrow AGO = ADO = ODM$ $\Rightarrow \triangle OGF$ đồng dạng $\triangle ODE$	0,5
	$\Rightarrow \frac{OE}{OF} = \frac{OD}{OG}$ hay $OE.OG = OF.OD.$	0,5
	c)  Trên đoạn MC lấy điểm A' sao cho $MA' = MA$ $\Rightarrow \triangle AMA'$ đều $\Rightarrow MAB = A'AC (= 60^\circ - BAA')$ $\Rightarrow \triangle MAB = \triangle A'AC \Rightarrow MB = A'C \Rightarrow MA + MB = MC$ Chu vi $\triangle AMA'$ là $MA + MB + AB = MC + AB \leq 2R + AB$ Giá trị lớn nhất của chu vi $\triangle MAB$ là $2R + AB$ Giá trị lớn nhất của chu vi $\triangle MAB$ đạt được khi MC là đường kính của (O). Khi đó M là điểm chính giữa cung AB	0,5
		0,5
		0,5
		0,5
		0,5
		0,5

	Gọi I là giao điểm của AO và $BC \Rightarrow H$ là trung điểm đoạn AI Ta có $AI = \frac{3}{2}R \Rightarrow AH = \frac{3}{4}R$	0,5
5 (2d)	a) $Q = \frac{1}{a\left(\frac{1}{c^2} + \frac{1}{b^2}\right)} + \frac{1}{b\left(\frac{1}{a^2} + \frac{1}{c^2}\right)} + \frac{1}{c\left(\frac{1}{b^2} + \frac{1}{a^2}\right)}$ Đặt $\frac{1}{a} = x, \frac{1}{b} = y, \frac{1}{c} = z$ thì $x, y, z > 0$ và $x^2 + y^2 + z^2 = 6$ $Q = \frac{x}{y^2 + z^2} + \frac{y}{z^2 + x^2} + \frac{z}{x^2 + y^2} = \frac{x^2}{x(6 - x^2)} + \frac{y^2}{y(6 - y^2)} + \frac{z^2}{z(6 - z^2)}$ Áp dụng BĐT Cauchy cho ba số dương ta được $x^2(6 - x^2)^2 = \frac{1}{2}2x^2(6 - x^2)(6 - x^2) \leq \frac{1}{2}\left(\frac{2x^2 + 6 - x^2 + 6 - x^2}{3}\right)^3 = 32$ $\Rightarrow x(6 - x^2) \leq 4\sqrt{2} \Leftrightarrow \frac{x^2}{x(6 - x^2)} \geq \frac{\sqrt{2}}{8}x^2$	0,5
	Tương tự $\frac{y^2}{y(6 - y^2)} \geq \frac{\sqrt{2}}{8}y^2, \frac{z^2}{z(6 - z^2)} \geq \frac{\sqrt{2}}{8}z^2$ Do đó $Q \geq \frac{\sqrt{2}}{8}(x^2 + y^2 + z^2) = \frac{3\sqrt{2}}{4}$ Đẳng thức xảy ra khi $x = y = z = \sqrt{2}$ hay $a = b = c = \frac{1}{\sqrt{2}}$ Vậy giá trị nhỏ nhất của Q là $\frac{3\sqrt{2}}{4}$.	0,5
	b)  Lấy 5 điểm tùy ý sao cho không có ba điểm nào thẳng hàng trên mặt phẳng. Khi đó vì chỉ dùng hai màu để tô các đỉnh nên theo nguyên lý Dirichlet phải tồn tại ba điểm trong số đó cùng màu. Giả sử ba điểm đó là A, B, C màu đỏ. Khi đó tam giác ABC với ba đỉnh màu đỏ. Gọi G là trọng tâm tam giác ABC. Khi đó chỉ có hai khả năng xảy ra	0,5
	1. Nếu G màu đỏ thì A, B, C, G cùng màu và bài toán được chứng minh 2. Nếu G màu xanh, kéo dài GA, GB, GC và lần lượt lấy trên đó các điểm A', B', C' sao cho $AA' = 3GA, BB' = 3GB, CC' = 3GC$. Khi đó, nếu gọi M, N, P tương ứng là trung điểm của BC, CA, AB thì $AA' = 3GA = 6GM \Rightarrow AA' = 2AM$. Tương tự, $BB' = 2AN, CC' = 2CP$. Do đó các tam giác $A'BC, B'CA, C'AB$ tương ứng nhận A, B, C làm trọng tâm. Mặt khác, các tam giác ABC và $A'B'C'$ có cùng trọng tâm G. Có hai trường hợp 2.1. Nếu A', B', C' có cùng màu xanh thì tam giác $A'B'C'$ và trọng tâm G cùng màu xanh 2.2. Nếu ít nhất một trong các điểm A', B', C' màu đỏ, không giảm tính tổng quát, giả sử A' màu đỏ. Khi đó tam giác $A'BC$ và trọng tâm A màu đỏ. Vậy trong mọi khả năng luôn tồn tại một tam giác có ba đỉnh và trọng tâm cùng màu.	0,5

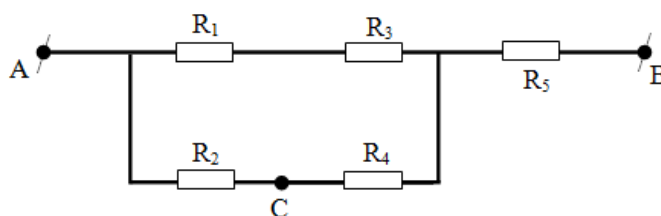
Câu 1 (5,0 điểm): Đoạn đường thẳng AB có độ dài 6 km. Lúc 6 giờ, một người đi bộ xuất phát từ A đi về B với vận tốc $v_1 = 5$ km/h. Sau đó 30 phút một người đi bộ từ B về A với vận tốc $v_2 = 3$ km/h. Coi chuyển động của hai người là chuyển động thẳng đều.

- Hai người gặp nhau lúc mấy giờ, vị trí gặp nhau cách A bao nhiêu km?
- Nếu người đi từ A sau khi đi được 4 km dừng lại nghỉ 6 phút rồi mới đi tiếp với vận tốc v_1 . Xác định thời điểm và vị trí 2 người gặp nhau.

Câu 2 (4,0 điểm): Một học sinh rót $m_1 = 600$ g nước vào một bình thủy tinh khối lượng $m = 200$ g ở nhiệt độ $t_1 = 25^\circ\text{C}$. Sử dụng những viên nước đá có cùng khối lượng $m_2 = 20$ g ở nhiệt độ $t_2 = -5^\circ\text{C}$ thả vào bình nước. Cho nhiệt dung riêng của thủy tinh, nước và nước đá lần lượt là $c = 2500$ J/kg.K, $c_1 = 4200$ J/kg.K và $c_2 = 1800$ J/kg.K. Nhiệt nóng chảy của nước đá là $\lambda = 3,4 \cdot 10^5$ J/kg. Bỏ qua mọi sự trao đổi nhiệt với môi trường bên ngoài.

- Học sinh đó dự định thả 5 viên nước đá vào bình nước. Tính nhiệt độ của nước sau khi cân bằng nhiệt.
- Do lỡ tay, học sinh đó thả thừa 2 viên nước đá vào bình, để nhiệt độ nước trong bình khi cân bằng đúng theo dự tính thì phải rót thêm m_3 (g) nước có nhiệt độ 25°C . Tính khối lượng nước cuối cùng sau khi rót thêm.

Câu 3 (3,0 điểm): Cho mạch điện như hình vẽ. Đặt vào hai đầu của đoạn mạch một hiệu điện thế không đổi $U = 12$ V, các dây dẫn có điện trở không đáng kể, $R_1 = 4 \Omega$, $R_2 = 5 \Omega$, $R_3 = 8 \Omega$, $R_4 = 1 \Omega$, $R_5 = 5 \Omega$.

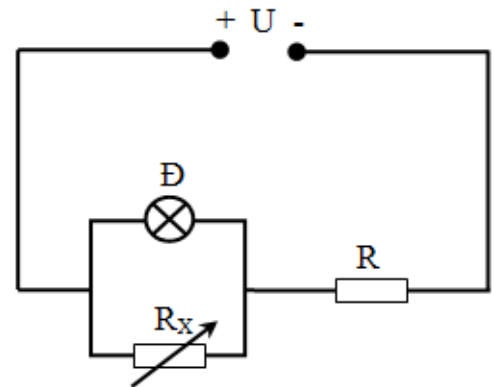


- Tính cường độ dòng điện qua các điện trở.
- Tính hiệu điện thế U_{CB} .

Câu 4 (5,0 điểm): Một vật sáng phẳng, mỏng AB có dạng hình mũi tên đặt vuông góc với trục chính của một thấu kính có tiêu cự 20 cm (A nằm trên trục chính) cho ảnh thật A_1B_1 cao 1,2 cm. Giữ nguyên thấu kính, dịch chuyển vật đó một đoạn 15 cm dọc theo trục chính thì thấu kính cho ảnh ảo A_2B_2 cao 2,4 cm.

- Thấu kính trên là thấu kính hội tụ hay phân kì, vì sao?
- Xác định độ phóng đại của ảnh trước và sau khi dịch chuyển vật.
- Vẽ ảnh A_1B_1 và A_2B_2 trên cùng một hình vẽ.

Câu 5 (3,0 điểm): Cho mạch điện như hình vẽ. Trên đèn Đ có ghi 6 V- 6 W, $R = 4 \Omega$, R_x là một biến trở. Đặt vào 2 đầu đoạn mạch một hiệu điện thế không đổi $U = 12 \text{ V}$. Điện trở dây dẫn không đáng kể, điện trở của đèn không thay đổi theo nhiệt độ. Điều chỉnh R_x để công suất trên nó đạt giá trị cực đại. Tính giá trị của R_x và công suất cực đại đó.



-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:

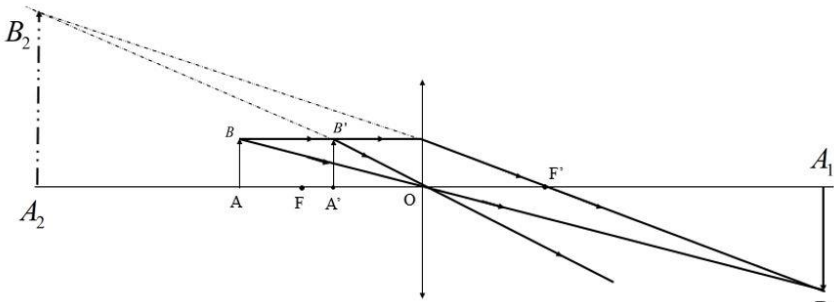
Chữ kí giám thị số 1:.....Chữ kí giám thị số 2:.....

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN VẬT LÝ LỚP 9 THCS
(Hướng dẫn chấm gồm 4 trang)

Chú ý: Những cách giải khác HDC mà đúng thì cho điểm theo thang điểm đã định.

Câu	Nội dung	Điểm
1 (5 đ)	a. Chọn trục tọa độ Ox có gốc tọa độ tại A, chiều dương hướng từ A đến B, gốc thời gian lúc 6 giờ.	0,25
	Phương trình chuyển động của người đi từ A: $x_A = 5t(\text{km})$	0,5
	Phương trình chuyển động của người đi từ B: $x_B = 6 - 3(t - 0,5)(\text{km})$	0,5
	Khi gặp nhau: $x_A = x_B$	0,25
	$\Rightarrow 5t = 6 - 3(t - 0,5) \Rightarrow t = 0,9375$ (giờ) = 56 phút 15 giây.	0,5
	Suy ra hai người gặp nhau lúc 6 giờ 56 phút 15 giây.	0,25
	Vị trí gặp nhau cách A một đoạn: $x_A = 5.0,9375 = 4,6875(\text{km})$	0,25
	b. Khi người đi từ A đi được 4 km thì: $x_A = 5t = 4 \Rightarrow t = 0,8$ (giờ) < 0,9375 (giờ) $\Rightarrow$ Khi đó 2 người chưa gặp nhau.	0,75
	Do đó phương trình chuyển động của A sau khi nghỉ: $x'_A = 4 + 5(t - 0,9)$	0,5
	Khi gặp nhau: $x'_A = x_B$ $\Rightarrow 4 + 5(t - 0,9) = 6 - 3(t - 0,5) \Rightarrow t = 1$ (giờ)	0,75
2 (4 đ)	a. Nếu thả 5 viên nước đá vào bình nước: Nhiệt lượng do bình nước và nước tỏa ra để hạ nhiệt độ xuống 0°C là: $Q_1 = (cm + c_1m_1).(t_1 - 0)$ $Q_1 = (0,2.2500 + 0,6.4200).(25 - 0) = 75500(J)$	0,5
	Nhiệt lượng nước đá thu vào để tăng nhiệt độ từ -5°C lên 0°C và tan hết tại 0°C là: $Q_2 = 5m_2c_2(0 - t_2) + 5m_2.\lambda$ $Q_2 = 5.0,02.1800.5 + 5.0,02.340000 = 34900(J)$	0,5
	Vì $Q_1 > Q_2$ nên nước đá tan hết và cả hệ tăng nhiệt độ lên $t^\circ\text{C}$ ($0^\circ\text{C} < t < 25^\circ\text{C}$).	0,5
	Nhiệt lượng để hệ thống tăng nhiệt độ từ 0°C đến $t^\circ\text{C}$ là: $Q = Q_1 - Q_2 = [mc + (5m_2 + m_1)c_1].(t - 0)$	0,5

	$\Rightarrow t = \frac{Q_1 - Q_2}{mc + (5m_2 + m_1)c_1} = \frac{75500 - 34900}{0,2.2500 + (5.0,02 + 0,6).4200} \approx 11,8^\circ\text{C}$	
	b. Nhiệt lượng 2 viên nước đá thu vào để làm tan và tăng đến nhiệt độ 0°C : $Q_3 = 2c_2m_2(0 - t_2) + 2\lambda m_2$ $Q_3 = 2.1800.0,02.5 + 2.0,02.340000 = 13960(J)$	0,5
	Nhiệt lượng 2 viên đã hóa thành nước tăng nhiệt độ từ 0°C đến $t^\circ\text{C}$: $Q_4 = 2c_1m_2(t - 0)$ $Q_4 = 2.4200.0,02.11,8 = 1982,4(J)$	0,5
	Nhiệt lượng mà m_3 (g) nước tỏa ra để giảm từ nhiệt độ t_1 về nhiệt độ $t^\circ\text{C}$: $Q_5 = c_1m_3(t_1 - t) = 4200.m_3.(25 - 11,8) = 55440m_3(J)$	0,25
	$Q_3 + Q_4 = Q_5 \Rightarrow 13960 + 1982,4 = 55440m_3$ $\Rightarrow m_3 \approx 0,29(\text{kg})$	0,5
	Tổng lượng nước cuối cùng sau khi cân bằng nhiệt: $M = m_1 + 7m_2 + m_3 = 1,03(\text{kg})$	0,25
3 (3 đ)	Sơ đồ mạch điện: $[(R_1ntR_3) / (R_2ntR_4)]ntR_5$	0,25
	$R_{13} = R_1 + R_3 = 12(\Omega)$	0,25
	$R_{24} = R_2 + R_4 = 6(\Omega)$	
	$R_{1234} = \frac{R_{13} \cdot R_{24}}{R_{13} + R_{24}} = 4(\Omega)$	0,25
	$R_{td} = R_{1234} + R_5 = 9(\Omega)$	0,25
	$I_5 = I = \frac{U_{AB}}{R_{td}} = \frac{4}{3}(A)$	0,25
	$U_{1234} = I \cdot R_{1234} = \frac{16}{3}(V)$	0,25
	$I_1 = I_3 = \frac{U_{13}}{R_{13}} = \frac{U_{1234}}{R_{13}} = \frac{4}{9}(A)$	0,25
	$I_2 = I_4 = I - I_{13} = \frac{8}{9}(A)$	0,25
	$U_{CB} = U_4 + U_5$	0,25
	$U_4 = I_4 R_4 = \frac{8}{9}(V)$	0,25
	$U_5 = I_5 R_5 = \frac{20}{3}(V)$	0,25
	$U_{CB} = \frac{68}{9}(V)$	0,25
4 (5,0 đ)	a. Vật thật cho ảnh thật nên thấu kính đó là thấu kính hội tụ.	0,5
	b. Do A_2B_2 là ảnh ảo nên AB phải dịch chuyển về phía thấu kính.	0,25

	$d_2 = d_1 - 15$	0,25
	$k_1 = \frac{f}{f - d_1} \quad (1)$	0,5
	$k_2 = \frac{f}{f - d_2} \quad (1)$	0,5
	$\left \frac{k_2}{k_1} \right = \left \frac{A_2 B_2}{A_1 B_1} \right = 2$	0,25
	Ảnh trong 2 trường hợp ngược chiều $\Rightarrow \frac{k_2}{k_1} = -2 \Rightarrow k_2 = -2k_1 \quad (2)$	0,25
	Thay (1) và (1') vào (2) ta có: $\frac{f}{f - (d_1 - 15)} = -2 \cdot \frac{f}{f - d_1} \Rightarrow d_1 = f + 10 = 30(\text{cm})$	0,5
	Độ phóng đại ảnh trước khi di chuyển vật: $k_1 = \frac{f}{f - d_1} = \frac{20}{20 - 30} = -2$	0,25
	Độ phóng đại ảnh sau khi di chuyển vật: $k_2 = -2k_1 = 4$	0,25
	c. Giả sử vị trí ban đầu của vật là AB, A'B' là vị trí sau khi đã dịch chuyển. 	
	- Vẽ ảnh đúng vị trí, kích thước.	1,0
	- Vẽ đủ chiều chuyển tia sáng.	0,5
5 (3,0 đ)	$R_D = \frac{U_{dm}^2}{P_{dm}} = 6(\Omega)$ Điện trở tương đương của đoạn mạch bằng $R_{td} = \frac{R_D \cdot R_x}{R_D + R_x} + R_4 = \frac{10R_x + 24}{R_x + 6}$	0,25
	$I = \frac{U}{R_{td}} = \frac{6(R_x + 6)}{5R_x + 12}$	0,25
	$U_x = U_{DX} = IR_{DX} = \frac{36R_x}{5R_x + 12}$	0,25

$I_X = \frac{U_{DX}}{R_X} = \frac{36}{5R_X + 12}$	0,25
Công suất trên R_X : $P_X = I_X^2 R_X = \frac{36^2 R_X}{(5R_X + 12)^2}$	0,25
$P_X = \frac{36^2}{(5\sqrt{R_X} + \frac{12}{\sqrt{R_X}})^2}$	0,5
P_X đạt giá trị cực đại khi $(5\sqrt{R_X} + \frac{12}{\sqrt{R_X}})_{\min}$	0,25
$5\sqrt{R_X} + \frac{12}{\sqrt{R_X}} \geq 2\sqrt{5\sqrt{R_X} \cdot \frac{12}{\sqrt{R_X}}} = 4\sqrt{15}$	0,25
Suy ra P_X đạt giá trị cực đại khi $5\sqrt{R_X} = \frac{12}{\sqrt{R_X}} \Rightarrow R_X = 2,4(\Omega)$	0,5
Công suất cực đại đó là: $P_{X\max} = \frac{36^2}{(4\sqrt{15})^2} = 5,4(W)$	0,25

-----**Hết**-----

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu 1 (3 điểm).

- a. Trình bày chức năng của 3 loại ARN chính ở trong tế bào.
b. Ở một loài vi khuẩn, một đoạn trình tự mARN được tổng hợp từ gen A như sau:

5' XAU GUU AAG UGU AGU GAA 3'

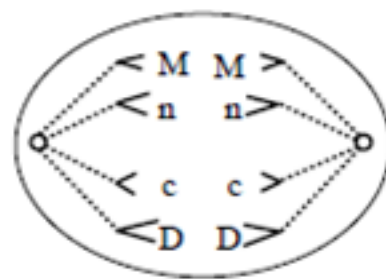
Hãy viết trình tự nucleotit của gen A và trình tự axit amin trong chuỗi polipeptit được tổng hợp từ đoạn mARN trên. Biết các bộ ba mã hóa trên phân tử mARN tương ứng với các axit amin như sau: GAA: Axit glutamic; GUU: Valin; UGU: Xistêin; AAG: Lizin; AGU: Xêrin; XAU: Histidin.

- c. Một gen có số liên kết hiđrô là 2760. Hiệu số giữa A và G bằng 20% tổng số nucleotit của gen. Tính số nucleotit mỗi loại của gen.

Câu 2 (3 điểm).

- a. Biết tế bào không xảy ra đột biến; các chữ cái M, n, c, D, kí hiệu cho các nhiễm sắc thể. Một tế bào được mô phỏng ở hình 1 đang tiến hành giảm phân. Xác định kì và bộ nhiễm sắc thể (2n) của loài.

- b. Nêu những điểm khác nhau về nhiễm sắc thể ở kì giữa của giảm phân I và giảm phân II.



Hình 1

Câu 3 (3 điểm).

- a. Một loài thực vật, tiến hành phép lai P: ♂ aabb × ♀ AABB. Trong số các cây ở F₁ xuất hiện thể đột biến AaBBb. Đây là dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể nào? Viết cơ chế hình thành dạng đột biến đó.

- b. Trong thực tế, đột biến dị bội và đột biến đa bội loại nào được ứng dụng phổ biến hơn trong chọn giống cây trồng? Giải thích.

Câu 4 (4 điểm).

Ở một loài thực vật lưỡng bội, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa vàng, các gen nằm trên nhiễm sắc thể thường và phân li độc lập. Cho lai cây thân cao, hoa đỏ (P) với hai cây khác nhau:

- Với cây thứ nhất, thu được đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1 thân cao, hoa đỏ: 1 thân cao, hoa vàng: 1 thân thấp, hoa đỏ: 1 thân thấp, hoa vàng.

- Với cây thứ hai, thu được đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3:1.

Biết rằng không xảy ra đột biến và các cá thể con có sức sống như nhau.

- a. Hãy biện luận, xác định kiểu gen của cây P, cây thứ nhất và cây thứ hai.
b. Viết sơ đồ lai của phép lai giữa cây P với cây thứ nhất.

Câu 5 (3 điểm).

Bệnh B ở người do một trong hai alen của một gen quy định. Một người đàn ông có cô em gái bị bệnh, lấy một người vợ có người anh trai bị bệnh. Cặp vợ chồng này sinh được 3 người con, người con gái đầu bị bệnh, người con trai thứ hai và người con trai thứ ba đều bình thường.

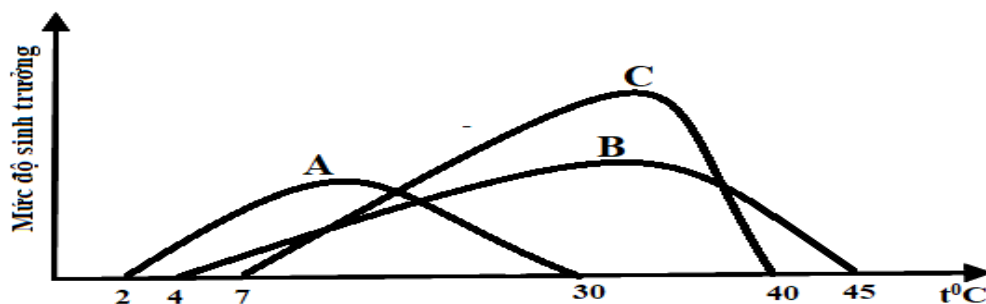
a. Hãy vẽ sơ đồ phả hệ của gia đình trên qua 3 thế hệ. Biết rằng, ngoài người em chồng, anh vợ, người con gái bị bệnh thì cả bên vợ và bên chồng không còn ai khác bị bệnh.

b. Bệnh B do gen trội hay gen lặn quy định? Liên quan với giới tính không? Giải thích.

c. Người con trai thứ 3 của cặp vợ chồng trên lấy một người vợ bị bệnh B. Nếu cặp vợ chồng này sinh một người con thì xác suất con bị bệnh B là bao nhiêu?

Câu 6 (2 điểm).

Hình 2 biểu diễn giới hạn sinh thái về nhân tố nhiệt độ của 3 loài A, B, C.



Hình 2

Dựa vào hình 2, em hãy:

a. Xác định giới hạn sinh thái về nhiệt độ của loài A, B, C.

b. Trong các loài A, B, C thì loài nào có khả năng phân bố rộng nhất? Giải thích.

c. Nêu 3 ứng dụng sự hiểu biết giới hạn sinh thái về nhiệt độ trong thực tiễn sản xuất?

Câu 7 (2 điểm).

a. Trình bày các bước tiến hành tạo chủng vi khuẩn *E.coli* sản xuất hoocmôn Insulin dùng làm thuốc chữa bệnh đái tháo đường ở người?

b. Tại sao muốn sản xuất một lượng lớn hoocmôn Insulin ở người, người ta lại chuyển gen mã hoá hoocmôn Insulin ở người vào tế bào vi khuẩn đường ruột (*E.coli*)?

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ kí giám thị số 1:..... Chữ kí giám thị số 2:.....

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN SINH HỌC LỚP 9 THCS

(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Chú ý: Những cách giải khác HDC mà đúng thì cho điểm theo thang điểm đã định.

Câu	Nội dung	Điểm								
1 (3 đ)	a. Trình bày chức năng của 3 loại ARN chính ở trong tế bào?									
	- mARN: có vai trò truyền đạt thông tin quy định cấu trúc của protein cần tổng hợp.	0,25								
	- tARN: có chức năng vận chuyển axit amin tương ứng tới nơi tổng hợp protein.	0,25								
	- rARN: là thành phần cấu tạo nên riboxom – nơi tổng hợp protein.	0,25								
	b. Hãy viết trình tự nucleotit của gen A và trình tự axit amin trong chuỗi polipeptit do gen A tổng hợp.									
	- Trình tự nucleotit của gen A: Mạch 1: 3’GTA XAA TTX AXA TXA XTT 5’ Mạch 2: 5’XAT GTT AAG TGT AGT GAA 3’	0,75								
	- Trình tự các axit amin trong chuỗi polipeptit do gen A tổng hợp: Histidin – Valin – Lizin – Xistêin – Xêrin – Axit glutamic	0,5								
	c. Một gen có số liên kết hiđrô là 2760. Hiệu số giữa A và G bằng 20% tổng số nucleotit của gen. Tính số nucleotit mỗi loại của gen.									
	- Ta có: A - G = 20 % và A + G = 50% => A = T = 35 %; G = X = 35% - 20 % = 15%.	0,5								
Theo bài ra: 2A + 3G = 2760 mà $\frac{A}{G} = \frac{7}{3} \Rightarrow$ Số nucleotit mỗi loại của gen là: A = T = 840; G=X=360	0,5									
2 (3 đ)	a. Xác định kì và bộ nhiễm sắc thể (2n) của loài.									
	- Quan sát hình 1 nhận thấy các nhiễm sắc thể đơn đang phân li về hai cực của tế bào. Vậy tế bào trên đang ở kì sau của giảm phân II.	0,5								
	- Bộ nhiễm sắc thể của loài: ở kì sau của giảm phân II tế bào có bộ nhiễm sắc thể 2n = 8 => bộ nhiễm sắc thể của loài 2n = 8.	1,0								
	b. Nêu những điểm khác nhau về nhiễm sắc thể ở kì giữa của giảm phân I và giảm phân II.									
	<table><tr><th>NST ở kỳ giữa của giảm phân I</th><th>NST ở kỳ giữa của giảm phân II</th></tr><tr><td>- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành hai hàng trên mặt phẳng xích đạo.</td><td>- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành một hàng trên mặt phẳng xích đạo.</td></tr><tr><td>- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.</td><td>- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.</td></tr><tr><td>- Trong 1 tế bào, số lượng nhiễm sắc thể là 2n trạng thái kép.</td><td>- Trong 1 tế bào số lượng nhiễm sắc thể là n trạng thái kép.</td></tr></table>	NST ở kỳ giữa của giảm phân I	NST ở kỳ giữa của giảm phân II	- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành hai hàng trên mặt phẳng xích đạo.	- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành một hàng trên mặt phẳng xích đạo.	- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.	- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.	- Trong 1 tế bào, số lượng nhiễm sắc thể là 2n trạng thái kép.	- Trong 1 tế bào số lượng nhiễm sắc thể là n trạng thái kép.	0,5
	NST ở kỳ giữa của giảm phân I	NST ở kỳ giữa của giảm phân II								
	- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành hai hàng trên mặt phẳng xích đạo.	- Các nhiễm sắc thể kép xếp thành một hàng trên mặt phẳng xích đạo.								
- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.	- Mỗi nhiễm sắc thể kép dính với thoi vô sắc ở tâm động từ 1 phía.									
- Trong 1 tế bào, số lượng nhiễm sắc thể là 2n trạng thái kép.	- Trong 1 tế bào số lượng nhiễm sắc thể là n trạng thái kép.									
	0,5									
	0,5									
3 (3 đ)	a. Một loài thực vật, tiến hành phép lai P: ♂ aabb × ♀ AABB. Trong số các cây ở F1 xuất hiện thể đột biến AaBBb. Đây là dạng đột biến nhiễm sắc thể nào? Viết cơ chế hình thành dạng đột biến đó.									

	* Dạng đột biến: dị bội, thể ba nhiễm $2n + 1$	0,5
	* Trường hợp 1: Do rối loạn phân li của cặp BB trong quá trình giảm phân hình thành giao tử ở mẹ:	0,25
	- Ở ♀: trong giảm phân cặp AA giảm phân bình thường, BB rối loạn hình thành giao tử ABB và A.	0,25
	- Ở ♂: giảm phân bình thường cho giao tử ab.	0,25
	- Qua thụ tinh giao tử ABB kết hợp với giao tử ab hình thành hợp tử AaBBb, hợp tử phát triển thành thể dị bội ($2n + 1$).	0,25
	* Trường hợp 2: trong quá trình nguyên phân đầu tiên của hợp tử AaBb cặp BB rối loạn phân li ở kì sau phát sinh thể AaBBb. (Học sinh chỉ trình bày cơ chế dạng $n, n+1, 2n+1$ thì cho $\frac{1}{4}$ tổng số điểm)	0,5
	b. Trong thực tế, đột biến dị bội và đột biến đa bội loại nào được ứng dụng phổ biến hơn trong chọn giống cây trồng? Giải thích.	
	- Trong thực tế đột biến đa bội được ứng dụng phổ biến hơn trong chọn giống cây trồng.	0,5
4 (4 đ)	- Vì: Tế bào đột biến đa bội bộ nhiễm sắc thể có số lượng tăng lên gấp bội, hàm lượng ADN tăng lên tương ứng, quá trình tổng hợp các chất diễn ra mạnh mẽ hơn, dẫn tới kích thước của tế bào lớn, cơ quan sinh dưỡng to, sinh trưởng phát triển mạnh, chống chịu tốt.	0,5
	a. Hãy biện luận, xác định kiểu gen của cây P, cây thứ nhất và cây thứ hai.	
	* Theo đề bài, quy ước gen: A: quy định thân cao; a: quy định thân thấp; B quy định hoa đỏ; b: quy định hoa vàng.	
	* Phép lai thứ nhất:	
	- Xét sự di truyền từng cặp tính trạng	
	+ Về chiều cao cây: Thân cao/Thân thấp = 1:1 là tỉ lệ của phép lai phân tích $\Rightarrow P: Aa$ (thân cao) x aa (thân thấp).	0,5
	+ Về màu sắc quả: Hoa đỏ/hoa vàng = 1:1 là tỉ lệ của phép lai phân tích $\Rightarrow P: Bb$ (Hoa đỏ) x bb (hoa vàng).	0,5
	- Tổ hợp hai cặp tính trạng, suy ra kiểu gen P và cây thứ nhất là:	1,0
	+ Kiểu gen của P: AaBb (thân cao, hoa đỏ).	
	+ Kiểu gen của cây thứ nhất: aabb (thân thấp, hoa vàng).	
	* Xét phép lai thứ hai: F_1 có 2 kiểu hình với tỉ lệ kiểu hình: 3:1 = (3:1) x 1	
	- Trường hợp 1; 3:1 = (3A-: 1aa) x 1 B- $\rightarrow P: AaBb$ x $AaBB$.	0,5
	- Trường hợp 2; 3:1 = 1 A- x (3B-: 1bb) $\rightarrow P: AaBb$ x $AABb$. $\Rightarrow$ Vậy cây thứ 2 có kiểu gen: AaBB hoặc AABb. (Học sinh tìm đúng kiểu gen của cây thứ 2 theo cách khác cho điểm tối đa)	0,5
	b. Viết sơ đồ lai của phép lai giữa cây P với cây thứ nhất.	
	P: AaBb (thân cao, hoa đỏ) x aabb (thân thấp, hoa vàng)	
	G _P : AB, Ab, aB, ab ab	0,5
	F ₁ : Kiểu gen: 1 AaBb; 1 Aabb; 1 aaBb; 1 aabb	0,5
	Kiểu hình: 1 thân cao, hoa đỏ; 1 thân cao, hoa vàng; 1 thân thấp, hoa đỏ; 1 thân thấp, hoa vàng.	

5 (3 đ)	a. Hãy vẽ sơ đồ phả hệ của gia đình trên qua 3 thế hệ. (Học sinh vẽ theo cách khác đúng thì cho điểm tối đa)	1,0
b. Bệnh B do gen trội hay gen lặn quy định? Liên quan với giới tính không? Giải thích.		
	- I_{1,2} không bệnh II₅ bệnh hoặc I_{3,4} không bệnh II₈ bệnh hoặc II_{6,7} không bệnh III₉ bệnh => bệnh do gen lặn quy định.	0,5
	- I_{3,4} không bệnh II₈ bệnh hoặc II_{6,7} không bệnh III₉ bệnh => bệnh do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định.	0,5
c. Người con trai thứ 3 của cặp vợ chồng trên lấy một người vợ bị bệnh B. Nếu cặp vợ chồng này sinh một người con thì xác suất con bị bệnh B là bao nhiêu?		
	- Người con trai thứ 3 của cặp vợ chồng trên có kiểu gen: $Aa = \frac{2}{3}$	0,25
	- Kiểu gen của người con gái bị bệnh B là: aa	0,25
	- Khi kết hôn: P $Aa \times aa \Rightarrow F_1: \frac{1}{2} Aa; \frac{1}{2} aa$	0,25
	- Xác suất sinh con bị bệnh B là: $\frac{2}{3} \times \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$	0,25
6 (2 đ)	a. Xác định giới hạn sinh thái về nhiệt độ của loài A, B, C. - Loài A: 2⁰C - 30⁰C - Loài B: 4⁰C - 45⁰C - Loài C: 7⁰C - 40⁰C b. Trong các loài A, B, C thì loài nào có khả năng phân bố rộng nhất? - Loài B vì: giới hạn sinh thái về nhiệt độ của loài B rộng hơn loài A và C c. Nêu những ứng dụng sự hiểu biết về giới hạn sinh thái về nhiệt độ trong thực tiễn sản xuất? - Nuôi trồng động, thực vật theo mùa, vùng địa lí. - Thụ hoạch động vật, thực vật vào thời điểm phù hợp. - Áp dụng các biện pháp kĩ thuật để hạn chế những tác động bất lợi về nhiệt độ đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển của sinh vật. (Học sinh nêu được mỗi ứng dụng khác đúng thì cho 0,25 điểm)	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
7 (2 đ)	a. Trình bày các bước tiến hành tạo chủng vi khuẩn E.coli sản xuất hoocmôn Insulin dùng làm thuốc chữa bệnh đái tháo đường ở người? - Chủng vi khuẩn E.coli sản xuất hoocmôn Insulin được tạo ra bằng kĩ thuật gen (công nghệ gen).	

	- Bước 1: Tách ADN khỏi tế bào của người, tách Plasmid khỏi vi khuẩn <i>E.coli</i> .	1,5
	- Bước 2: Dùng enzym cắt ADN (gen mã hoá insulin) của người và ADN Plasmid ở những điểm xác định, dùng enzym nối đoạn ADN cắt (gen mã hoá insulin) với ADN Plasmid tạo ra ADN tái tổ hợp.	
	- Bước 3: Chuyển ADN tái tổ hợp vào vi khuẩn <i>E.coli</i> , tạo điều kiện cho ADN tái tổ hợp hoạt động.	
	<i>b. Tại sao muốn sản xuất một lượng lớn hoocmôn Insulin ở người, người ta lại chuyển gen mã hoá hoocmôn Insulin ở người vào tế bào vi khuẩn đường ruột (E.coli)?</i>	
	- Vi khuẩn <i>E.coli</i> có ưu điểm dễ nuôi cấy và sinh sản rất nhanh, dẫn đến tăng nhanh số bản sao của gen được chuyển. Tạo ra số lượng lớn insulin trong thời gian ngắn, giảm giá thành chế phẩm.	0,5

-----**Hết**-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
LẠNG SƠN

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
LỚP 9 NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn thi: Ngữ văn THCS

Thời gian: **150** phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: **18/3/2021**

(Đề thi gồm 01 trang, 02 câu)

Câu 1 (8,0 điểm)

*Mỗi người sinh ra trên thế giới này,
Đều đại diện cho một điều mới mẻ
Một điều chưa từng tồn tại trước đó,
Nguyên bản và duy nhất.*

*Bồn phận của chúng ta là phải biết:
Chưa có ai giống như mình từng xuất hiện trên đời,
Vì nếu ta chỉ là bản sao của ai đó
Thì sự tồn tại chẳng còn nghĩa lý gì!*

(Dẫn: *Dám chấp nhận*, Martin Buber - sách *Hạt giống tâm hồn*,
Nxb Tổng hợp TPHCM, tr.27)

Từ ngữ liệu trên, em hãy viết bài văn nghị luận với chủ đề: *Cần trân trọng sự khác biệt của chính mình.*

Câu 2 (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long là minh chứng rõ nét cho thông điệp *Bất kỳ ai cũng có thể trở thành anh hùng* (Google năm 2019). Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----**Hết**-----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ kí giám thị số 1: Chữ kí giám thị số 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN NGỮ VĂN THCS

(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm. Khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
- Điểm toàn bài để lẻ đến 0,25 điểm.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (8,0 điểm)	I. Yêu cầu về kỹ năng Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Diễn đạt trôi chảy, văn phong mạch lạc có cảm xúc, giàu sức thuyết phục. Chính tả, dùng từ, đặt câu đúng.	
	II. Về kiến thức: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng luận điểm phải rõ ràng, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, làm rõ được các ý sau:	
	* Nêu vấn đề nghị luận	0.5
	1. Giải thích vấn đề	1.5
	- Trân trọng: là thái độ đề cao, coi trọng đối với con người, sự vật. - Sự khác biệt: là cái riêng, nét độc đáo, không giống với một cá thể hoặc một sự vật hiện tượng nào trong đời sống. => <i>Trân trọng sự khác biệt của chính mình:</i> đề cao thái độ biết yêu quý, nâng niu sự riêng biệt, độc đáo của chính mình.	
	2. Bàn luận	3.5
	- Mỗi con người là một cá thể duy nhất, biệt lập với những đặc điểm riêng từ ngoại hình, tâm hồn, tính cách đến lối sống, suy nghĩ với cả những ưu, khuyết điểm. - Ý nghĩa của việc tôn trọng sự khác biệt của chính mình: + Giúp con người hài lòng với bản thân, từ đó cân bằng được cuộc sống cá nhân; biến những điều khác biệt thành giá trị, dấu ấn riêng; nỗ lực khẳng định mình. + Khi biết tôn trọng sự khác biệt của mình, sẽ biết trân trọng sự khác biệt của người khác, từ đó tạo lập được những mối quan hệ xã hội tốt đẹp, lành mạnh, nhận được sự tôn quý của mọi người xung quanh; tránh được tâm lí đám đông, bắt chước, sao chép người khác. + Góp phần xây dựng cộng đồng văn minh, giàu bản sắc và phát triển; giữ được giá trị văn hóa riêng biệt, độc đáo.	

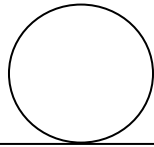
	3. Mở rộng	1.0
	- Trân trọng sự khác biệt không đồng nghĩa với tâm lý ái kỷ; phê phán những người quá đề cao bản thân mà hạ thấp, phán xét những khác biệt của người khác. - Phê phán những người không biết tôn trọng, yêu quý sự khác biệt của bản thân, luôn sợ hãi trước phán xét, định kiến, của người khác về sự khác biệt của mình.	
	4. Bài học	1.0
	- Nhận thức đúng đắn để biết trân trọng, yêu quý bản thân mỗi ngày. - Trân trọng sự khác biệt của chính mình song cần biết cởi mở, sẵn sàng học hỏi, tiếp thu cái mới, giá trị tích cực, không cố chấp, thủ cựu.	
	* Kết thúc vấn đề nghị luận	0.5
	<i>Lưu ý: Trong quá trình bàn luận, thí sinh cần kết hợp hài hòa giữa lí lẽ và dẫn chứng minh họa để tăng sức thuyết phục cho lập luận.</i>	
Câu 2 (12,0 điểm)	I. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết làm bài văn nghị luận về một ý kiến, có bố cục hoàn chỉnh, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
	II. Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:	
	1. Nêu vấn đề nghị luận	0.5
	2. Giải thích	1.0
	- <i>Anh hùng</i>: là người có sự vượt trội về sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm, làm được những điều lớn lao phi thường được cộng đồng tôn vinh, ngưỡng mộ. - <i>Bất kỳ ai cũng có thể trở thành anh hùng</i>: tất cả mọi người (nhấn mạnh tới những con người bình dị, không phân biệt lứa tuổi, giới tính, quốc gia, dân tộc, trình độ...) đều có thể trở thành người cống hiến tích cực cho cộng đồng.	
	3. Bình luận	1.0
	Tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của tác giả Nguyễn Thành Long đã tái hiện chân dung chân thực, sống động về những con người bình dị nhưng có vẻ đẹp tâm hồn cao quý, nỗ lực cống hiến cho đất nước. Họ đều xứng đáng là những anh hùng.	
	4. Chứng minh	
	- Anh thanh niên sống giản dị và làm việc âm thầm, lặng lẽ trên đỉnh núi Yên Sơn, nơi chỉ có cây cỏ và sương mù lạnh lẽo. Anh say mê công việc, có tinh thần dũng cảm và trách nhiệm cao, có lí tưởng sống đẹp, rất giàu tình cảm. Đó là cuộc sống hữu ích và có sức lan tỏa tới mọi người, là nguồn cảm hứng sống cuộc đời có ý nghĩa cho bác lái xe, cô kĩ sư, là cảm hứng sáng tạo cho ông họa sĩ. - Anh thanh niên tiêu biểu cho thế hệ trí thức trẻ trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, được nhà văn xây dựng như một tấm gương điển hình về người tốt, việc tốt với vẻ đẹp toàn diện. - Ông họa sĩ lão thành, đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn tâm huyết với nghề, say mê tìm tòi cảm hứng sáng tạo và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật để	3.0

	tạo nên những tác phẩm giá trị. - Cô kĩ sư nông nghiệp trẻ trung, dịu dàng, rụt rè vừa được truyền lửa hào hức, tin yêu về con đường đã chọn. - Người bạn của anh thanh niên một mình lặng lẽ trên đỉnh Phan-xi-păng làm công tác khí tượng, luôn yêu và coi công việc là lí tưởng. - Ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa, công việc có phần đơn giản, nhàm chán nhưng đã đem đến lợi ích thiết thực, cải thiện đời sống cho nhân dân miền Bắc. - Đồng chí nghiên cứu khoa học suốt mười một năm chỉ tập trung vào một công việc tưởng như rất vô nghĩa (chờ sét) nhưng với sự tâm huyết, bền bỉ, anh hoàn thành bản đồ sét riêng cho nước ta, giúp khám phá ra của cải quý giá trong lòng đất – một ý nghĩa vô cùng lớn lao.	2.5
	=> Cách xây dựng nhân vật không có tên riêng, nghề nghiệp khác nhau, lứa tuổi khác nhau đã gợi lên ý nghĩa phổ quát: trên khắp đất nước ta có rất nhiều những con người vô danh, bình dị như vậy đang ngày đêm lặng lẽ, bền bỉ làm việc và cống hiến sức lực, tình yêu của mình cho đất nước bằng cách kiến tạo những giá trị đích thực.	1.0
	5. Đánh giá - Thông điệp có ý nghĩa khích lệ mọi người luôn phấn đấu, đóng góp trí tuệ, sức lực cho cuộc sống trở nên tốt đẹp đồng thời đề cao, khẳng định những sự cống hiến, hi sinh thầm lặng. - Không cần phải có sức mạnh và tài năng phi thường cũng như sự ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người, họ vẫn là những anh hùng đích thực. Tác giả đã tạo nên bức chân dung về cuộc sống mới, lấp lánh vẻ đẹp “anh hùng đời thường” trong công việc thường ngày. Họ đã, đang và sẽ cống hiến hết mình, họ khiêm nhường làm việc và cũng lặng thầm tỏa ra những nét đẹp bất ngờ, lôi cuốn. - Nghệ thuật: xây dựng tình huống truyện, miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn, kết hợp tự sự và trữ tình. - Lý giải: Chính tài năng, tấm lòng và năng lực sống sâu sắc đã giúp nhà văn phát hiện ra những vẻ đẹp khuất lấp, bình dị ấy.	2.5
	6. Kết thúc vấn đề nghị luận	0.5
	<i>Lưu ý: Có thể chấp nhận cả những bài làm có cách nhìn nhận vấn đề theo quan điểm riêng và có hệ thống ý riêng không giống với đáp án, với điều kiện phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.</i>	
Tổng		20.0

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Điểm của bài thi:

- Bằng số:



- Bằng chữ:

Họ tên, chữ ký của giám khảo

1.

.....

2.

.....

SỐ PHÁCH:

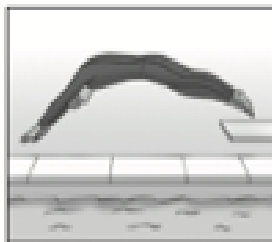
LISTENING (4.0 POINTS)

Part 1: There are 7 questions in this part. For each question, there 3 pictures and a short recording. Listen and choose the correct answer A, B or C.

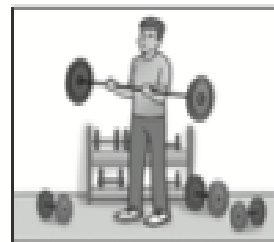
1. What did the man do at the sports centre yesterday?



A ☐

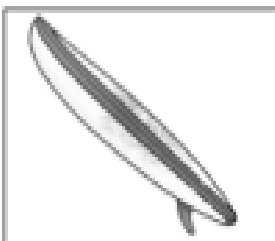


B ☐



C ☐

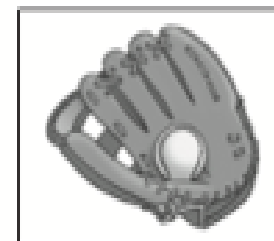
2. Which sports does the woman compete in?



A ☐



B ☐



C ☐

3. Where will the friends go running this evening?



A ☐

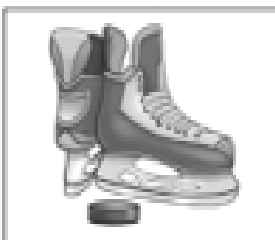


B ☐

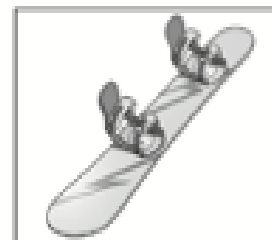


C ☐

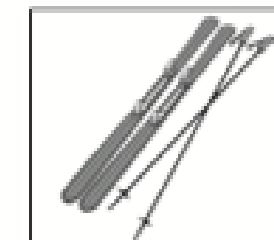
4. Which winter sport was Max good at when he was young?



A ☐



B ☐



C ☐

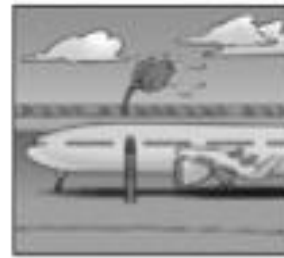
5. What will the weather be like when the plane arrives?



A ☐

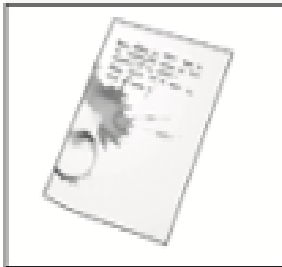


B ☐



C ☐

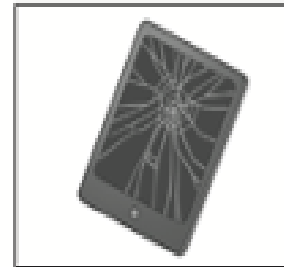
6. What was damaged during the journey?



A ☐

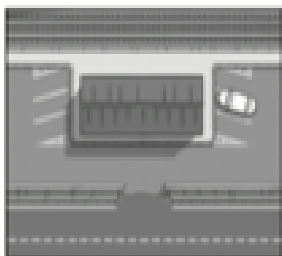


B ☐

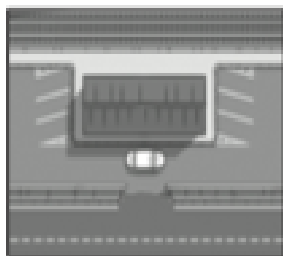


C ☐

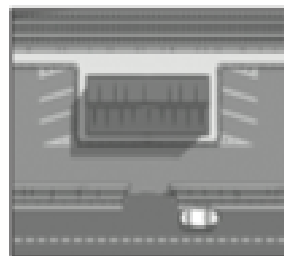
7. Where can you park your car for free?



A ☐



B ☐



C ☐

Part 2: You will hear Louise Bright telling some students about her work as a clothes designer. Choose the correct answer (A, B or C).

8. Louise's first job was a _____.
 A. bank clerk B. travel agent C. secretary
9. In the first year of her course, Louise _____.
 A. learn how to make clothes
 B. studied the history of fashion
 C. worked in a large clothes shop
10. At the final fashion show, Louise says she was really pleased that _____.
 A. her parents saw their work
 B. all the college students worked well together
 C. owners of fashion businesses were there
11. Louise says she really likes designing sports clothes because they are _____.
 A. produced in a variety of styles
 B. easy for her to make
 C. comfortable for her to wear
12. Louise says that most students from her course now work _____.
 A. for well-known fashion designers
 B. for big stores
 C. in advertising
13. Louise's aim is to _____.
 A. start a children's clothes business
 B. get to the top of her fashion
 C. make a lot of money

Part 3: You will hear someone talking to passengers on a boat from England to France. For each question, fill in the missing information in the numbered space, using NO MORE THAN TWO WORDS AND/OR A NUMBER for each answer.

Voyage from Portsmouth St Malo
Time voyage take: (14)_____ hours
Weather forecast: (15)_____
In emergency, go to lounge on (16)_____
Food: - Lunch and dinner on Ocean Grill - (17)_____ and drinks in Captain's Café
At 3.30, in Children's Play Center, there's a (18)_____ show.
Buy stamps in (19)_____
The ferry's staff is available at (20)_____.

PHONETICS (1.0 POINT)

Part 1: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the other three in each of the following questions. Write your answers in the corresponding numbered boxes.

- | | | | |
|-----------------------|--------------------|---------------------|-------------------|
| 1. A. sac <u>re</u> d | B. ragge <u>d</u> | C. belonge <u>d</u> | D. neede <u>d</u> |
| 2. A. natu <u>re</u> | B. futu <u>re</u> | C. pictu <u>re</u> | D. matu <u>re</u> |
| 3. A. fa <u>th</u> er | B. ga <u>th</u> er | C. ha <u>ng</u> | D. tha <u>n</u> k |

Your answers:

1. _____	2. _____	3. _____
----------	----------	----------

Part 2: Choose the word whose primary stress is placed differently from that of the other three in each of the following questions. Write your answers in the corresponding numbered boxes.

- | | | | |
|------------------|--------------|------------|--------------|
| 1. A. understand | B. pollution | C. abandon | D. avoidance |
| 2. A. return | B. question | C. career | D. destroy |

Your answers:

1. _____	2. _____
----------	----------

LEXICO-GRAMMAR (4.0 POINTS)

Part 1: Choose the word or phrase which best completes each of the following sentences. Write your answers in the corresponding numbered boxes.

- I couldn't believe that they were brothers. They were as different as _____.
A. Mars from Jupiter B. milk from honey C. chalk and cheese D. dogs and cats
- We have saved up quite a lot of money, so we have _____ up our minds to go abroad this year.
A. made B. turned C. discovered D. brought
- He says he's been to _____ restaurant in town.
A. many B. every C. all D. most
- The purpose of the examination was to _____ the students' knowledge of the subject.
A. try B. inspect C. test D. prove
- Many beautiful buildings _____ built in Bangkok so far.
A. were B. have been C. are D. had been
- He had no _____ of selling the clock – It belonged to his father.
A. happiness B. interest C. intention D. meaning
- There was nothing special about his clothes _____ from his flowery tie.
A. but B. except C. other D. apart
- She was fortunate _____ that she had friends to help her.

- A. in B. at C. on D. with
9. It is essential that Mary _____ able to speak English.
A. is B. be C. was D. must be
10. They just _____ the pedestrian for the accident.
A. blamed B. accused C. charged D. sued
11. Although she arrived _____, we made her welcome just the same.
A. expected B. unexpectedly C. unexpected D. expectedly
12. No sooner _____ the house than it started raining.
A. we left B. had we left C. we had left D. did we leave
13. I'd like to _____ an appointment to see the doctor.
A. do B. say C. organize D. make
14. I'm sorry; I forgot _____ your letter. It is still here, in my pocket.
A. post B. to post C. posting D. posted
15. _____ the weather forecast, it will rain heavily later this morning.
A. On account of B. According to C. Because of D. Due to
16. Julia is trustworthy. She's a person upon _____ you can always depend.
A. who B. whom C. that D. whose
17. If you hadn't watched that late movie last night, you _____ sleepy now.
A. wouldn't be B. wouldn't have been
C. might have not been D. wouldn't have been being
18. Minh: "Excuse me, is anybody sitting here?"- Jean: "_____."
A. No, thanks B. Sorry, the seat is taken
C. Yes, yes. You can sit here D. Yes, I am so glad
19. The school was closed for a month because of the serious _____ of the Covid-19 pandemic.
A. outcome B. outburst C. outset D. outbreak
20. A large number of students in this school _____ English quite fluently.
A. speaks B. is speaking C. has spoken D. speak

Your answers:

1.	6.	11.	16.
2.	7.	12.	17.
3.	8.	13.	18.
4.	9.	14.	19.
5.	10.	15.	20.

Part 2: Write the correct form of each bracketed word in the corresponding numbered boxes.

1. I became _____ aware that no one else was laughing. (COMFORT)
2. He left the room without any _____. (EXPLAIN)
3. She has one of the biggest stamp _____ in Britain. (COLLECT)
4. A free trade agreement would be _____ to both countries. (ADVANTAGE)
5. If the neonate is not treated urgently with prostaglandins, _____ damage can occur to the kidneys and liver. (REPAIR)

Your answers:

1.	4.
2.	5.
3.	

Part 3: The following passage contains five errors in some lines. Underline the errors, and write their correction in the the space provided.

SO WHAT HAPPENED TO THE ENGLISH LANGUAGE

Anyone who wants to learn or use what used to be called “plain English” is unlikely to be disheartened by what has been happening in recent years. In the first place, there has been the proliferate of jargon – terminology devised by the experts to ensure that only they will grab what is being said. Its use is of great value to academics, lawyers and economists since the ordinary citizen is obliged to consult them, usually for a sunstantial fee, to find out what they mean.

Far more sinister is the prevention of every day terms to mean something quite different. This is favored by those who regard themselves as “politically correct” – a term that, by implying that only they know what is right, is itself a perversion of language. No doubt it started off with good intentions. It was only natural that the original inhabitants of North America should object to what they were called, since they are neither “red” nor “Indian”, but it is doubtful whether they appreciated being renamed as the predecessors of an obscure Italian navigator. But in their anxiety not to offend anyone, these “idealists” are making nonsense of the language. Those who are shortage of stature may feel happier to be described as “vertically challenged” but what comfort does it offer the very tall, like myself, who feel “vertically challenged” every time we bang our heads?

Your answers:

Errors	Corrections
1.	
2.	
3.	
4.	
5.	

READING (5.0 POINTS)

Part 1: Read the text and choose the word marked A, B, C or D that best fits each gap.

Write your answers in the corresponding numbered boxes.

According (1)_____ a magazine article I’ve read recently, we (2)_____ live in an age of increasing leisure. Not only are more and more people reaching retirement age with their taste for enjoyment and even adventure relatively intact, (3)_____ the working week is becoming shorter and the opportunities for leisure are becoming greater and greater all the time. Not to mention the fact that people (4)_____ to spend less time travelling to work or may even be working from home. What I can’t understand, however, is who these people are. As far as I can (5)_____ the whole thing is another one of the journalistic fictions. I admit that there are a lot of retired people nowadays but I am not sure (6)_____ all of them are dashing about learning hang-gliding or sail single-handed (7)_____ the world. My own parents seem to (8)_____ most of their time gazing at the television. And as for the shorter working week, I wish someone (9)_____ remind my company about it. I seem to be working longer and longer hours all the time. The little leisure time I have is eaten into by sitting in the traffic jams or (10)_____ for trains to show up at rain-swept platforms. I haven’t noticed any dramatic improvements in my cost of living either, but perhaps I just have to wait until I get my pension.

- | | | | |
|---------------|------------------|---------|-----------------|
| 1. A. to | B. for | C. of | D. into |
| 2. A. present | B. at the moment | C. now | D. at this time |
| 3. A. for | B. and | C. so | D. but |
| 4. A. use | B. tend | C. have | D. demand |

- | | | | |
|----------------|------------|------------|------------|
| 5. A. concern | B. imagine | C. expect | D. tell |
| 6. A. which | B. that | C. when | D. where |
| 7. A. round | B. over | C. through | D. into |
| 8. A. have | B. use | C. save | D. spend |
| 9. A. would | B. to | C. had | D. might |
| 10. A. keeping | B. lining | C. waiting | D. setting |

Your answers:

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Part 2: Read the passage and fill in each blank with one suitable word. Write your answers in the corresponding numbered boxes.

HOME-ALONE FATHERS

The number of (1)_____ fathers has increased considerably in recent years in Britain. We spoke to one such dad, Steve Baker, about how he copes with it at all. Steve, 43 years old, has (2)_____ up his two teenage sons since he and his wife split up two years ago. "It's (3)_____ more difficult for a man than it is for a woman," says Steve. "It's a full-time job, whoever you are. (4)_____, my employers were very sympathetic in the first few months and they let me take time off work to get myself organized.

As far as the housework is (5)_____. I don't mind cooking, as I've always been good at that; it's the ironing I can't (6)_____. Generally speaking, the boys and I (7)_____ on very well together but of course, sometimes we have rows. That's when I really miss having someone there with me to help (8)_____ out. I have had a couple of relationships in the last two years but they (9)_____ worked out. That has a lot to do with the fact that I put my kids before anyone else, I (10)_____ fatherhood very seriously."

Your answers:

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Part 3: Read the passage and choose the best answer to each question. Write your answers in the corresponding numbered boxes.

Having reached the highest point of our route according to our plan, we discovered something the map had not told us. It was impossible to climb down into the Kingo valley. The river lay deep between the mountain sides that were almost vertical. We couldn't find any animal tracks, which usually show the best way across country, and the slopes were covered so thickly with bushes that we could not see the nature of the ground. We had somehow to break through to the river which would give us our direction out of the mountains into the inhabited lowlands.

Our guide cut a narrow path through the bushes with his long knife and we followed in single file. Progress was slow. Then, when we thought we had really reached the river, we found ourselves instead on the edge of a cliff with a straight drop of 1,000 feet to the water below. We climbed back up to the slope and began to look for another way down. We climbed, slipped, sweated and scratched our hands to pieces and finally arrived at the river. Happily we strode downhill along its bank without having to cut our way. However, after a few miles the river entered a steep-sided gap between rocks and suddenly dropped thirty-five feet over a waterfall. There was no path alongside it and no way round it.

Then one of the guides saw a way of overcoming the difficulty. There was a fallen tree lying upside down over the waterfall with its leafy top resting on the opposite bank below the falls. Without hesitation he climbed down the slippery trunk to show us how easy it was. Having got to the fork of the tree, he moved hand over hand along a branch for four or five feet

with his legs hanging in space, then he dropped onto the flat bank the other side, throwing his arms in the air like a footballer who has scored a goal, and cheerfully waving us on.

1. Having reached the highest point on their route, the travellers expected to be able to _____.
 - A. track animals to the river
 - B. put away the maps they had been using
 - C. approach the river from a different direction
 - D. get down to the river without much difficulty
2. The travellers wanted to get to the river because _____.
 - A. it would lead them to the waterfall
 - B. it would show them which way to go
 - C. it was the only possible route out of the mountains
 - D. it was a quicker route than going over the mountains
3. One reason why the travellers took so long to get to the river was that _____.
 - A. it was too hot to move quickly
 - B. there was no proper path
 - C. they all tried to go different ways
 - D. they could not follow the animal tracks
4. The travellers were happy when they reached the river because _____.
 - A. they had a sense of achievement
 - B. the going was much easier then
 - C. they were eager to see the waterfall
 - D. they knew they were near their destination
5. To get past the waterfall the guide had to _____.
 - A. use a fallen tree as a kind of bridge
 - B. cross the river above the waterfall
 - C. slide down a steep river bank
 - D. swing across the river from a high branch

Your answers:

1.	2.	3.	4.	5.
----	----	----	----	----

WRITING (4.0 POINTS)

Part 1: Finish each of the following sentences in such a way that its meaning stays the same.

1. They do not clean the windows, so the room looks dark.
→ *Were they* _____.
2. The bridge was so low that the bus couldn't go under it.
→ *It was* _____.
3. Tim has become confident as a result of his success.
→ *Tim's success has turned* _____.
4. Just after the play started there was a power failure.
→ *Hardly* _____.
5. It is believed that the man escaped in a stolen car.
→ *The man is* _____.

Part 2: Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word given in brackets. Do not change the word given. You must use between TWO and FIVE words, including the word given. (1 point)

1. I have always admired my father for all the work he does. (LOOKED)
→ I have always _____ my father for all the work he does.
2. Jane seems to be naturally good at playing the piano. (TALENT)
→ Jane seems to _____ playing the piano.
3. It's your responsibility to make sure all books are returned on time. (FOR)

4. Peter was the first person I asked for advice. (WHOSE)

5. The twins look exactly the same to me. (TELL)

Part 3: In about 150 words, write a paragraph about the advantages and disadvantages of online shopping.

[illegible]

____ THE END ____

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN TIẾNG ANH LỚP 9 THCS
(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Chú ý: Những cách giải khác HDC mà đúng thì cho điểm theo thang điểm đã định.

LISTENING (4 POINTS)

Part 1: 0.2 points for each correct answer

1. C 2. A 3. A 4. C 5. B 6. A 7. A

Part 2: 0.2 points for each correct answer

8. C 9. B 10. A 11. C 12. C 13. A

Part 3: 0.2 points for each correct answer

14. 9.5	18. magic
15. rain	19. bookshop
16. deck 6	20. all times
17. snack(s)	

PHONETICS (1 POINT)

Part 1: 0.2 points for each correct answer

1. C. belonged 2. D. mature 3. A. father

Part 2: 0.2 points for each correct answer

1. A. understand 2. B. question

LEXICO-GRAMMAR (4 POINTS)

Part 1: 2 points (0.1 point for each correct answer)

1. C. chalk and cheese	6. C. intention	11. B. unexpectedly	16. B. whom
2. A. made	7. D. apart	12. B. had we left	17. A. wouldn't be
3. B. every	8. A. in	13. D. make	18. B. Sorry, the seat is taken
4. C. test	9. B. be	14. B. to post	19. D. outbreak
5. B. have been	10. A. blamed	15. B. According to	20. D. speak

Part 2: 1 point (0.2 points for each correct answer)

1. uncomfortably	3. collections	5. irreparable
2. explanation	4. advantageous	

Part 3: 1 point (0.2 points for each correct answer)

SO WHAT HAPPENED TO THE ENGLISH LANGUAGE

Anyone who wants to learn or use what used to be called “plain English” is **unlikely** to be disheartened by what has been happening in recent years. In the first place, there has been the **proliferate** of jargon – terminology devised by the experts to ensure that only they will **grab** what is being said. Its use is of great value to academics, lawyers and economists since the ordinary citizen is obliged to consult them, usually for a substantial fee, to find out what they mean.

Far more sinister is the prevention of **every day** terms to mean something quite different. This is favoured by those who regard themselves as “politically correct” – a term that, by implying that only they know what is right, is itself a perversion of language. No doubt it started off with good intentions. It was only natural that the original inhabitants of North America should object to what they were called, since they are neither “red” nor “Indian”, but it is doubtful whether they appreciated being renamed as the predecessors of an obscure Italian navigator. But in their anxiety not to offend anyone, these “idealists” are making nonsense of the language. Those who are **shortage** of stature may feel happier to be described as “vertically challenged” but what comfort does it offer the very tall, like myself, who feel “vertically challenged” every time we bang our heads?

Your answers:

Errors	Corrections
1. unlikely	likely
2. proliferate	proliferation
3. grab	grasp
4. every day	everyday
5. shortage	short

READING (5.0 POINTS)

Part 1: 2 points (0.2 points for each correct answer)

Your answers:

- | | | | | |
|------------|-------------|-------------|-------------|----------------|
| 1. A. To | 2. C. now | 3. D. but | 4. B. tend | 5. D. tell |
| 6. B. That | 7. A. round | 8. D. spend | 9. A. would | 10. C. waiting |

Part 2: 2 points (0.2 points for each correct answer)

Your answers:

- | | | | | |
|----------------------|------------|-------------|-------------------------|--------------|
| 1. single | 2. brought | 3. far/much | 4. Fortunately/ Luckily | 5. concerned |
| 6. stand/bear/endure | 7. get | 8. me | 9. haven't | 10. take |

Part 3: 1 point (0.2 points for each correct answer)

Your answers: 1. D 2. C 3. B 4. B 5. A

WRITING (4.0 POINTS)

Part	Content	Points
Part 1 (1 point)	1. ... to clean the windows, the room wouldn't look dark	0.2
	2. ... such a low bridge that the bus couldn't go under it	0.2
	3. ... him into a confident person	0.2
	4. ... had the play started when there was a power failure	0.2
	5. ... is believed to have escaped in a stolen car	0.2
Part 2 (1 point)	1. ... looked up to ...	0.2
	2. ... have a talent for ...	0.2
	3. ... responsible for making sure (that) ...	0.2
	4. ... first person whose advice I ...	0.2
	5. ... tell the difference between ...	0.2
Part 3 (2 points)	1. Bố cục - Câu đề dẫn chủ đề mạch lạc. - Bố cục hợp lí, rõ ràng, phù hợp yêu cầu của đề bài. - Bố cục uyển chuyển từ mở bài đến kết luận.	0.5
	2. Phát triển - Phát triển ý có trình tự logic. - Có dẫn chứng, ví dụ, ... đủ để bảo vệ ý kiến của mình.	0.3
	3. Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng ngôn từ phù hợp nội dung. - Sử dụng ngôn từ đúng văn phong/ thể loại. - Sử dụng từ nối các ý cho bài viết uyển chuyển.	0.4
	4. Nội dung - Đủ thuyết phục người đọc. - Đủ dẫn chứng, ví dụ, lập luận. - Độ dài: Số từ không nhiều hơn hoặc ít hơn so với quy định 5%.	0.5
	5. Ngữ pháp, dấu câu và chính tả - Sử dụng đúng dấu câu. - Chính tả: Viết đúng chính tả. + Lỗi chính tả gây hiểu nhầm/ sai lệch ý sẽ bị tính một lỗi (trừ 1% điểm của bài viết). + Cùng một lỗi chính tả lặp lại chỉ tính là một lỗi. - Sử dụng đúng thời, thể, cấu trúc câu đúng ngữ pháp (Lỗi ngữ pháp gây hiểu nhầm/ sai lệch ý sẽ bị trừ 1% điểm bài viết).	0.3

_____ THE END _____